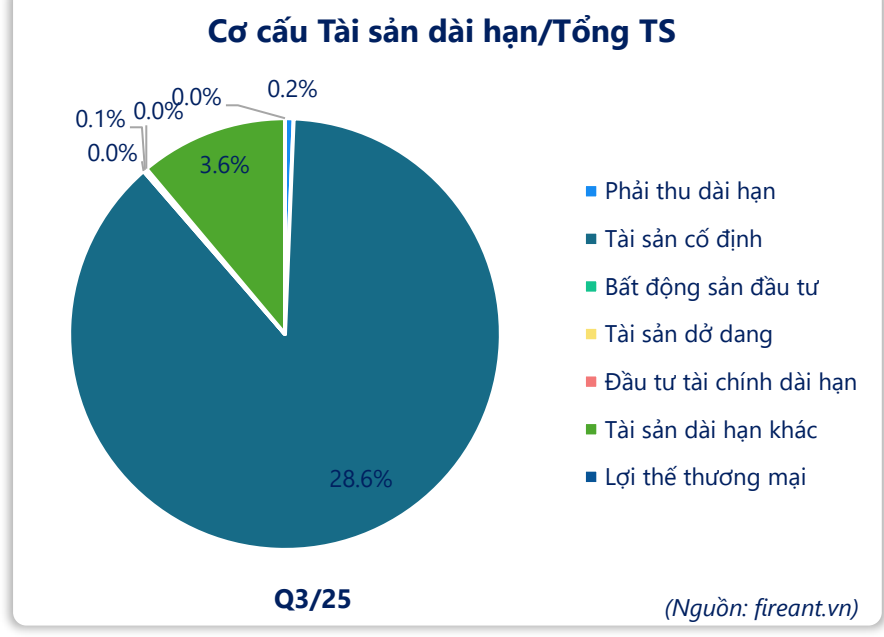
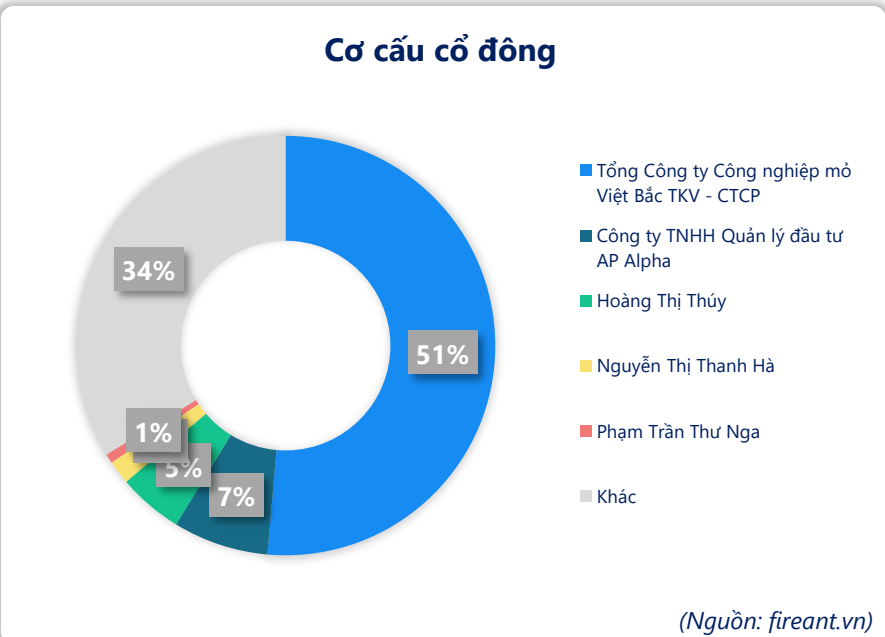
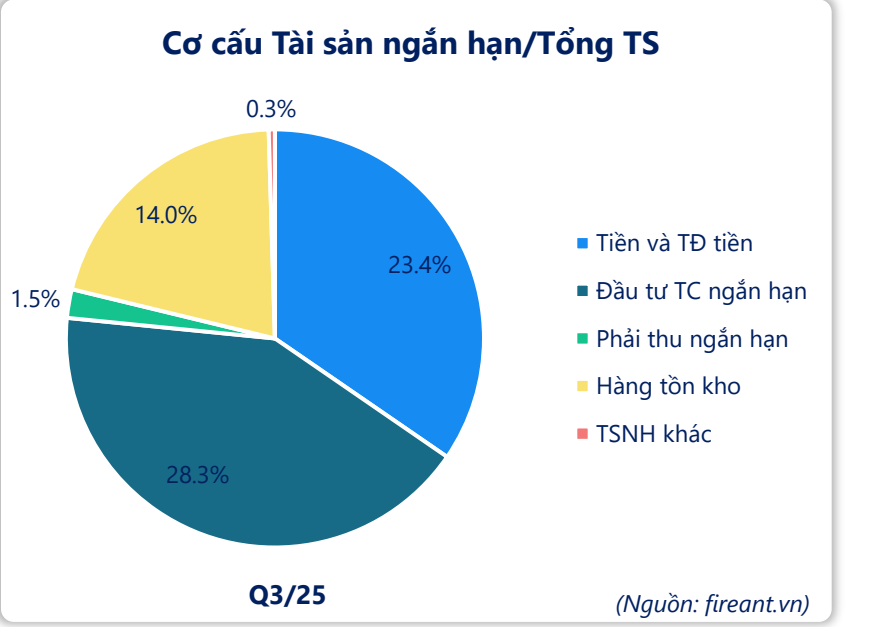
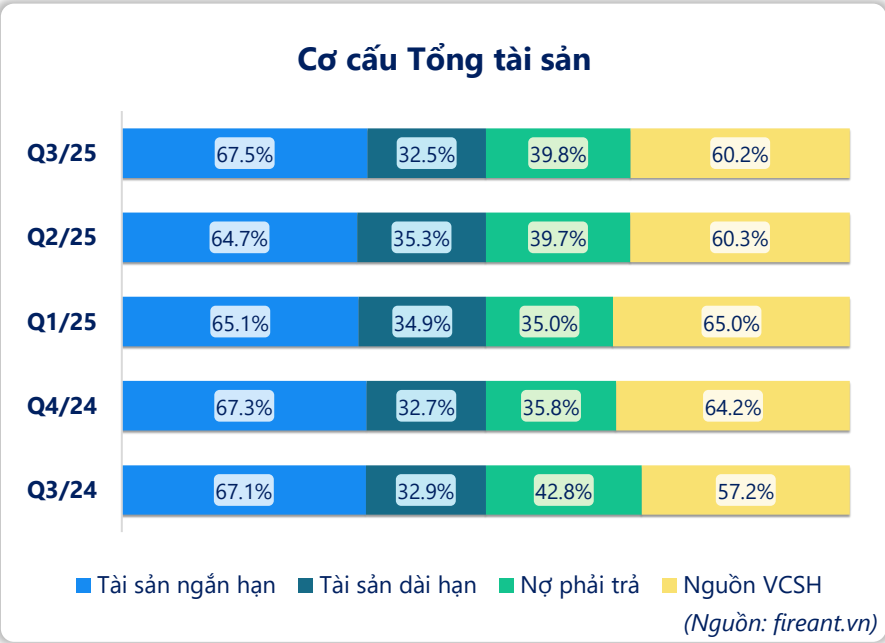
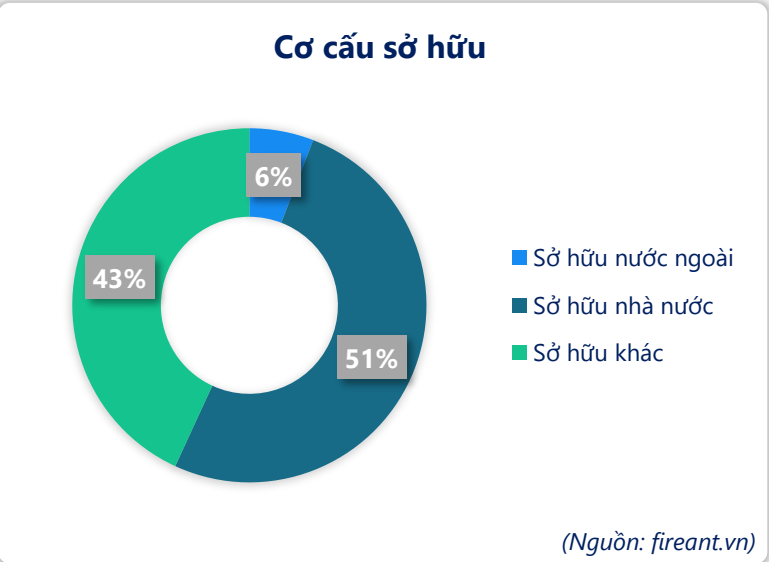
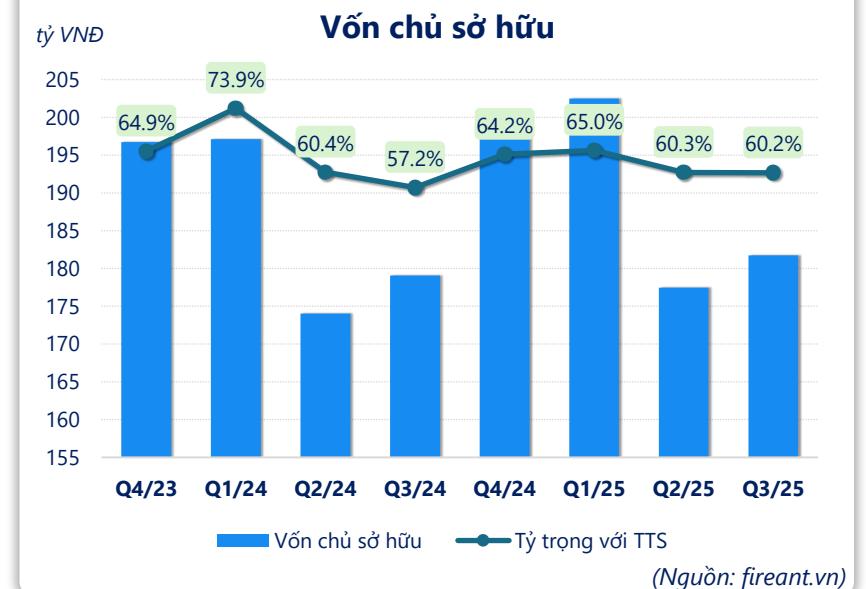
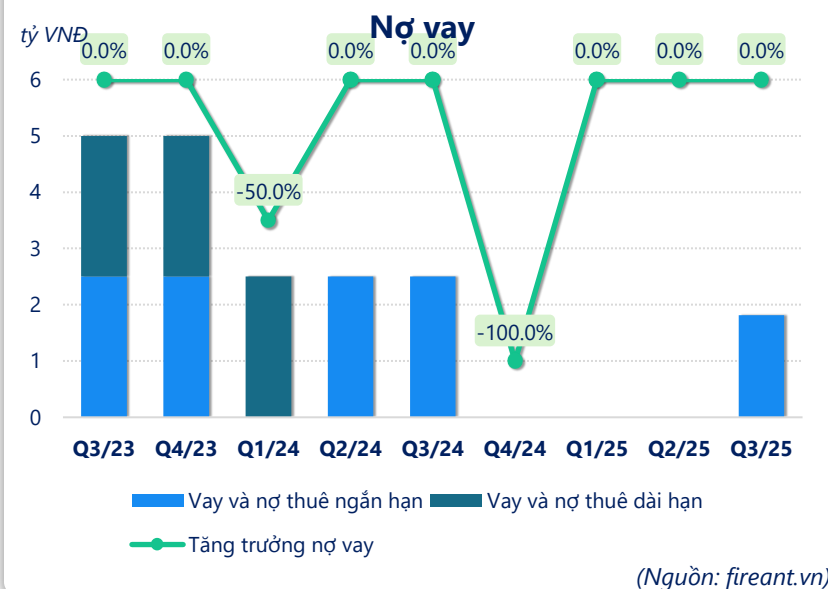
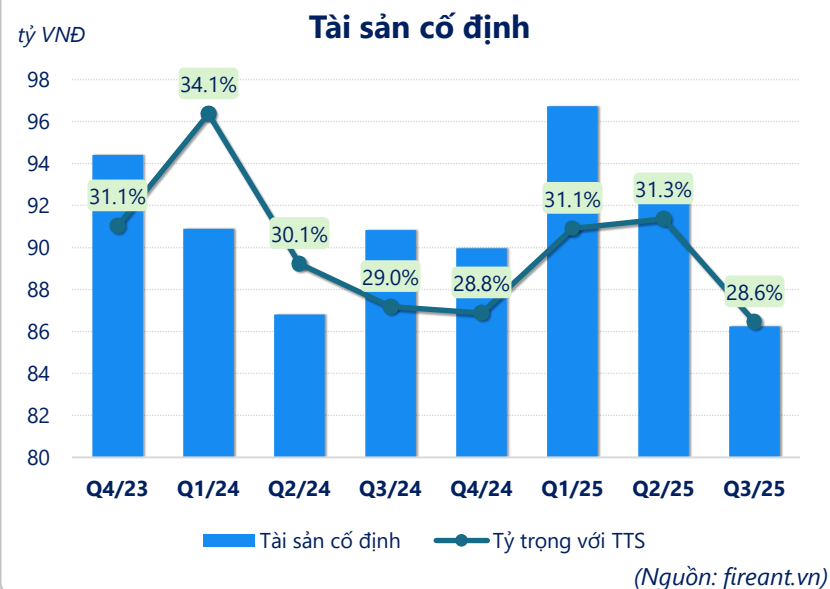
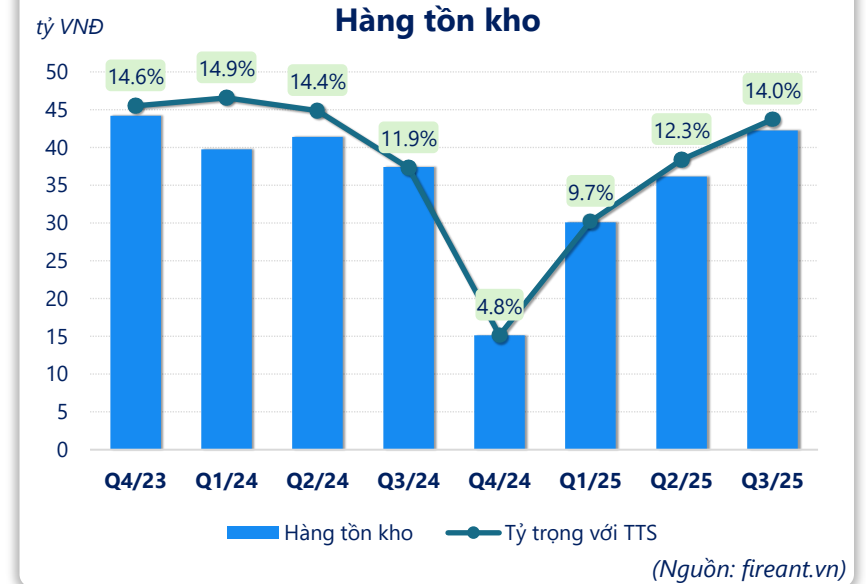
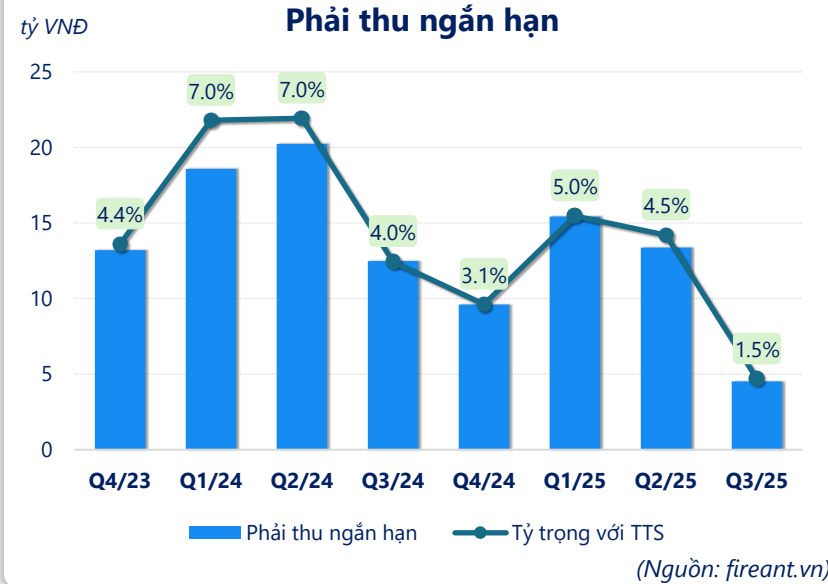
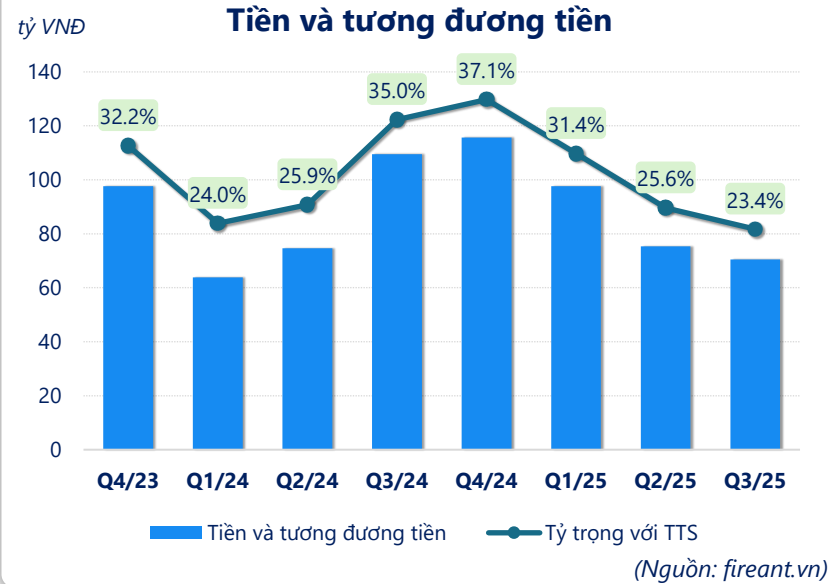
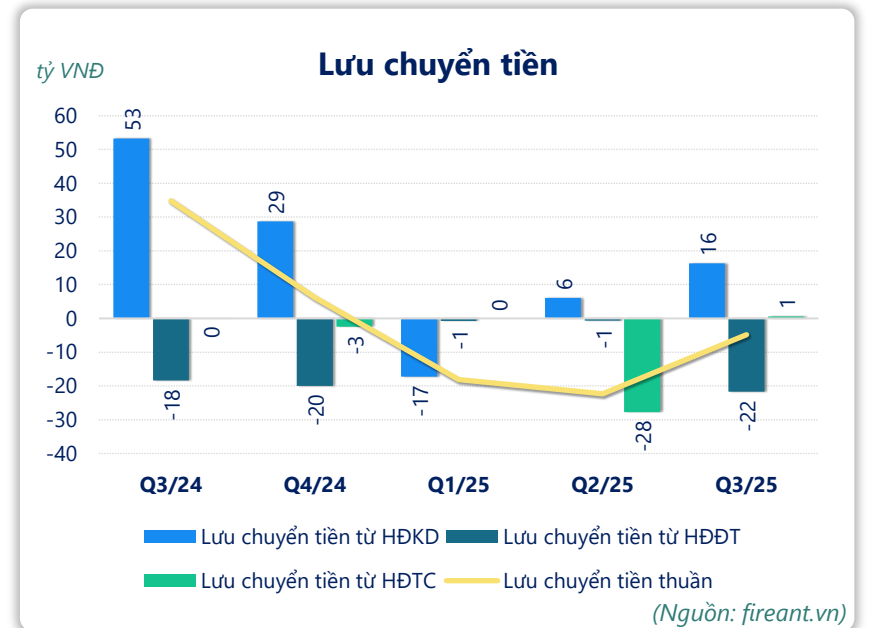
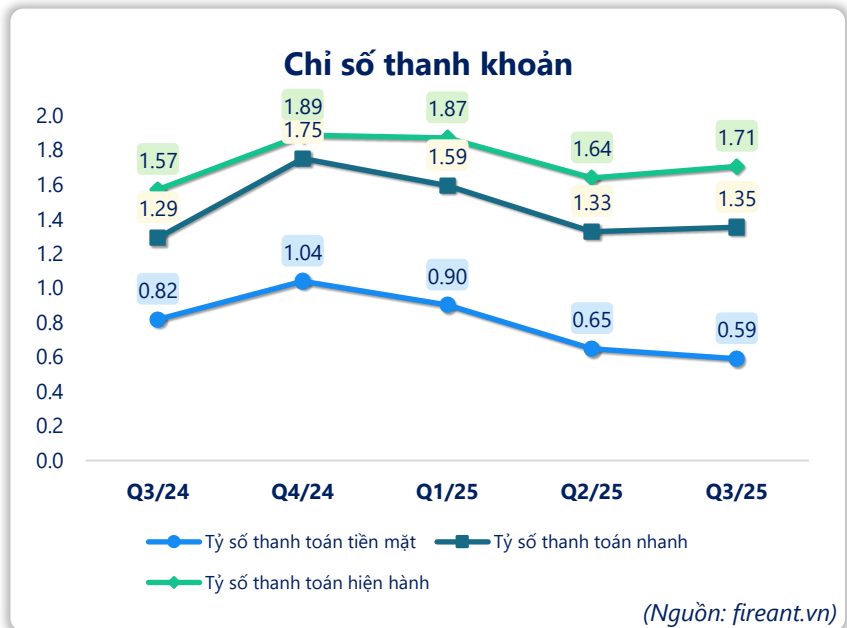
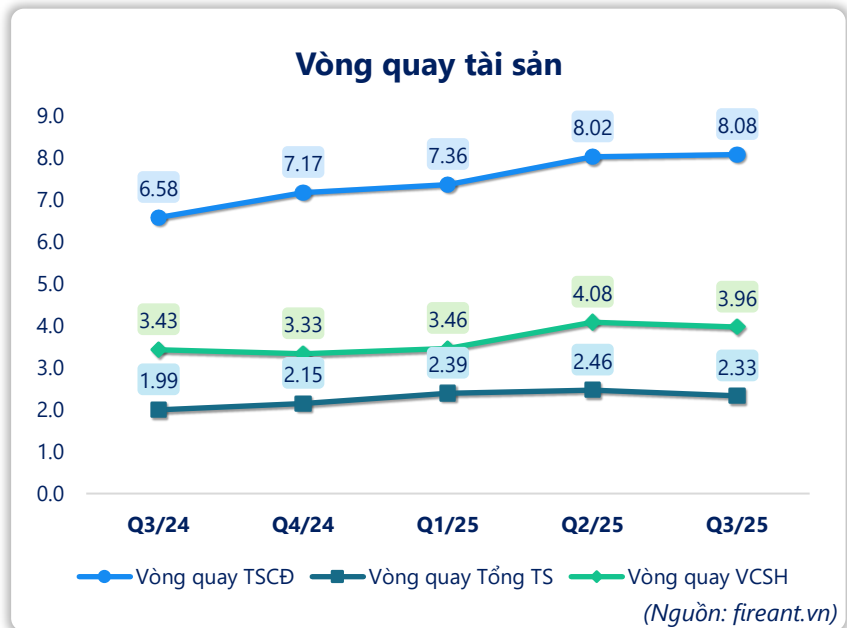
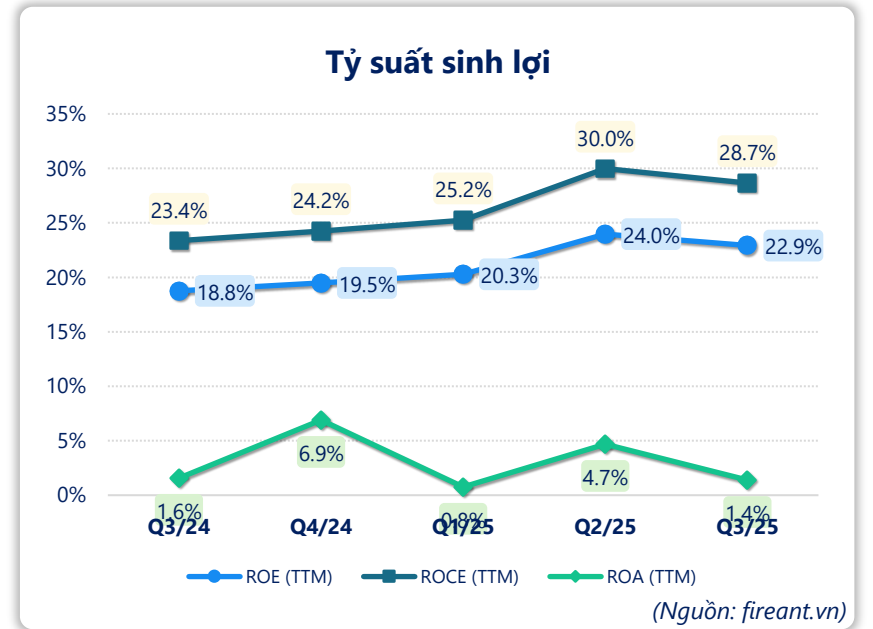
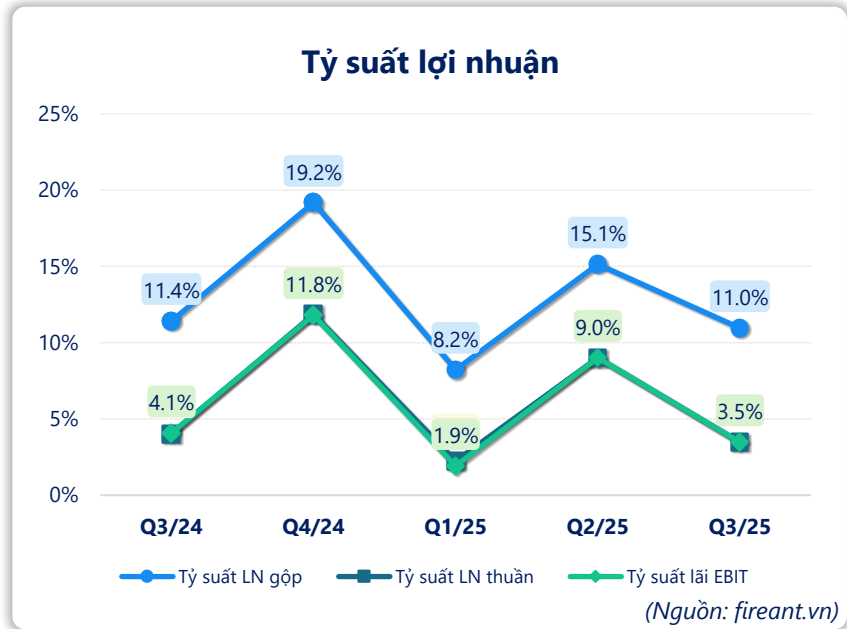
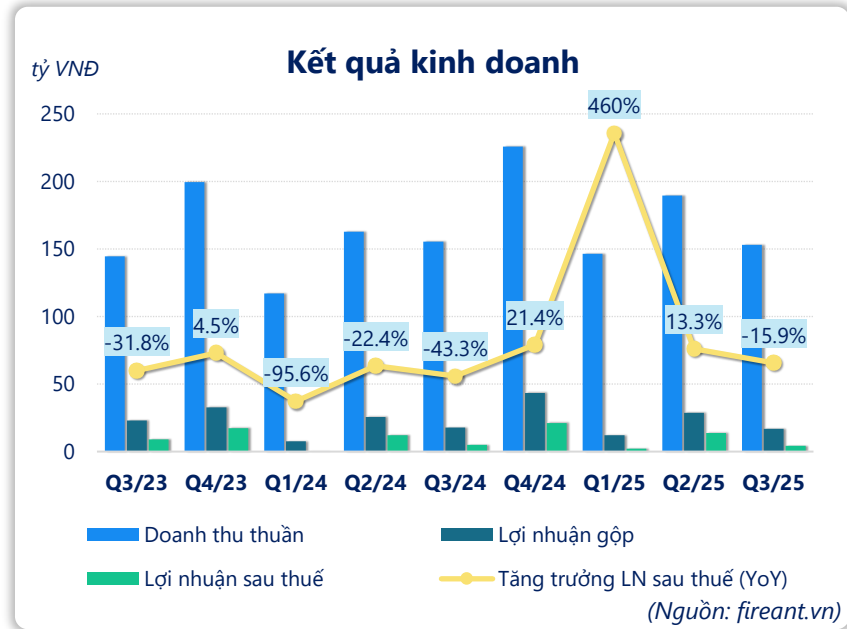


Thông tin giao dịch		30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)		22,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)		22,600
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)		18,568
SL cổ phiếu LH		12,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)		6,390
% sở hữu nước ngoài		5.9%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)		
Vốn hóa (tỷ VNĐ)		271
P/E		6.6
EPS		3,444

	YTD	1T	3T	6T
CLH	6.6%	5.6%	10.2%	4.8%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%







CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	302	312	-3.3%
Tài sản ngắn hạn	204	210	-3.0%
Tiền và tương đương tiền	70.4	116	-39.1%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	85.5	69.5	23.0%
Phải thu ngắn hạn	4.52	9.61	-53.0%
Hàng tồn kho	42.2	15.1	179%
Tài sản ngắn hạn khác	0.97	0.08	1151%
Tài sản dài hạn	98.0	102	-4.0%
Phải thu dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Tài sản cố định	86.2	90.0	-4.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.26	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	10.9	11.5	-5.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	120	112	7.3%
Nợ ngắn hạn	119	111	7.3%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1.82	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	49.4	42.6	16.0%
Nợ dài hạn	0.63	0.59	6.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	182	200	-9.3%
Vốn chủ sở hữu	182	200	-9.3%
Vốn điều lệ	120	120	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	155	226	146	190	153
Giá vốn hàng bán	138	183	134	161	136
Lợi nhuận gộp	17.8	43.3	12.0	28.7	16.8
Doanh thu HĐTC	0.26	2.69	0.32	2.81	0.41
Chi phí TC	0.04	0.04	0	0	0
Chi phí lãi vay	0.02	0.01	0	0	0
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	2.73	5.60	1.95	5.15	1.65
Chi phí QLDN	9.02	13.6	7.14	9.27	10.2
LN thuần từ HĐKD	6.23	26.8	3.28	17.1	5.30
Lợi nhuận khác	0.08	-0.15	-0.48	0.00	0.02
LN trước thuế	6.31	26.6	2.81	17.1	5.32
Lợi nhuận sau thuế	5.04	21.2	2.19	13.7	4.25
LNST của CĐ cty mẹ	5.04	21.2	2.19	13.7	4.25

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	53.2	28.7	-17.3	6.11	16.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-18.4	-20.0	-0.80	-0.65	-21.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0.00	-2.50	0	-27.8	0.61
Tiền đầu kỳ	74.7	110	116	97.6	75.3
Lưu chuyển tiền thuần	34.8	6.20	-18.1	-22.3	-4.85
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	110	116	97.6	75.3	70.4

(Nguồn: fireant.vn)